

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cơ sở chế biến nông sản Thiên Hà tại xã Hồng Phong, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản Thiên Hà

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1945/STNMT-CCBVM ngày 7 tháng 10 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cơ sở chế biến nông sản Thiên Hà tại xã Hồng Phong, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản Thiên Hà;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 522/TTr-TNMT ngày 18 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cơ sở chế biến nông sản Thiên Hà (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản Thiên Hà (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hồng Phong, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản Thiên Hà;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nam Sách;
- UBND xã Hồng Phong;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (7b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Bản

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Cơ sở chế biến nông sản Thiên Hà tại xã Hồng Phong,
huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương của Công ty cổ phần xuất
nhập khẩu nông sản Thiên Hà

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Cơ sở chế biến nông sản Thiên Hà.
- Địa điểm thực hiện: Xã Hồng Phong, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.
- Chủ dự án: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản Thiên Hà.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Quy mô sử dụng đất của dự án là 14.240 m² thuộc xã Hồng Phong, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Công suất của Dự án:

+ Sơ chế, bảo quản các loại nông sản (cà rốt, khoai tây, hành, tỏi, ớt,...): 2.800 tấn/năm.

+ Chế biến các loại nông sản (lạc, tỏi, ớt, cà rốt,...): 900 tấn/năm.

1.3. Quy trình công nghệ sản xuất

- Quy trình sơ chế, bảo quản các loại nông sản:

+ Cà rốt, khoai tây, ớt → Phân loại, làm sạch, rửa → Đóng gói → Lưu kho lạnh → Xuất hàng.

+ Bắp cải → Phân loại, bỏ lá ngoài → Đóng gói → Lưu kho lạnh → Xuất hàng.

+ Hành, tỏi → Phân loại, làm sạch → Đóng gói → Lưu kho → Xuất hàng.

- Quy trình chế biến các loại nông sản:

+ Lạc củ sấy giòn: Lạc củ → Phân loại, làm sạch → Rửa bằng nước → Nấu chín với muối, đường → Sấy khô → Đóng gói → Lưu kho/Xuất hàng.

+ Hành, tỏi sấy: Hành, tỏi → Sơ chế, bóc vỏ → Rửa bằng nước → Cắt lát → Sấy khô → Đóng gói → Lưu kho/Xuất hàng.

+ Ớt sấy: Ớt → Phân loại, làm sạch → Rửa bằng nước → Trần qua nước nóng → Sấy khô → Đóng gói → Lưu kho/Xuất hàng.

+ Cà rốt sấy: Cà rốt → Phân loại, làm sạch → Rửa bằng nước → Gọt vỏ, cắt lát → Trần qua nước nóng → Sấy khô → Đóng gói → Lưu kho/Xuất hàng.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình của dự án

- Các hạng mục công trình xây dựng:

+ Các hạng mục công trình chính: Nhà xưởng + kho thành phẩm (2.904 m²); nhà xưởng + kho nguyên liệu đầu vào (1.680 m²); nhà trưng bày sản phẩm (320 m²).

+ Các hạng mục công trình phụ trợ: Nhà bảo vệ (30 m²); nhà điều hành (330 m²); nhà ăn ca (330 m²); nhà để xe (120 m²); trạm biến áp (30 m²); bể nước sạch (150 m²); nhà vệ sinh và thay đồ (90 m²); sân, đường nội bộ (5.181 m²); cây xanh (2.865 m²).

+ Các hạng mục bảo vệ môi trường: Khu xử lý nước thải (120 m²); kho phân loại và chứa rác (90 m²).

- Thiết bị sản xuất chính của Dự án: Máy rửa công suất 500 kg/giờ (03 bộ); băng tải phân loại (03 bộ); kho lạnh dung tích 500 m³ (02 kho); hệ thống sấy công suất 800 kg/mẻ (01 hệ thống); dây chuyền sơ chế công suất 20 tấn/ngày (02 bộ); máy cắt lát (02 cái); nồi hơi điện công suất 500 kg hơi/giờ (02 bộ).

1.4.2. Các hoạt động của dự án

- Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

+ Hoạt động đền bù, GPMB (thu dọn sinh khối, bóc lớp đất phủ bề mặt đối với diện tích đất lúa, nạo vét bùn hữu cơ tại mương thủy lợi).

+ Hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu thi công, máy móc thiết bị, chất thải.

+ Hoạt động san lấp mặt bằng, thi công các hạng mục của Dự án và lắp đặt máy móc thiết bị.

+ Hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động của phương tiện giao thông ra vào Dự án.

+ Hoạt động sơ chế, bảo quản, chế biến các loại nông sản.

+ Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Dự án.

+ Hoạt động bảo dưỡng máy móc, thiết bị, nhà xưởng.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích đất trồng lúa nước 02 vụ khoảng 7.635 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động bóc lớp đất phủ bề mặt, nạo vét bùn hữu cơ: Phát sinh chất thải rắn.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, chất thải: Phát sinh bụi, khí thải; tiếng ồn.

- Hoạt động san lấp mặt bằng: Phát sinh bụi; tiếng ồn.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt máy móc thiết bị: Phát sinh bụi, khí thải; nước thải; chất thải rắn xây dựng; tiếng ồn; chất thải nguy hại; sự cố cháy nổ; tai nạn lao động; ngập úng.

- Hoạt động của công nhân xây dựng: Phát sinh nước thải; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản: Phát sinh nước thải; chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại; tiếng ồn; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải chung; tai nạn lao động; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải chung.

- Hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm: Phát sinh bụi, khí thải; tiếng ồn.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên: Phát sinh nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại; bùn thải từ bể tự hoại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong giai đoạn thi công xây dựng là 2,25 m³/ngày, giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị là 0,45 m³/ngày. Tính chất nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (COD, BOD₅), các chất dinh dưỡng (N,P) và các vi sinh vật.

- Nước thải xây dựng: Khối lượng phát sinh 1,5 m³/ngày. Thành phần chính là đất, cát xây dựng thuộc loại ít độc hại, dễ lắng đọng.

- Nước thải từ quá trình rửa xe: Khối lượng phát sinh khoảng 0,39 m³/ngày. Thành phần của nước thải chủ yếu chứa đất, cát, dầu mỡ.

- Tác động do nước mưa chảy tràn: Thành phần chủ yếu là TSS, dầu mỡ,... nồng độ ô nhiễm thấp.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ăn, nhà vệ sinh của cán bộ công nhân viên là 3,36 m³/ngày. Tính chất nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (COD, BOD₅), các chất dinh dưỡng (N,P) và các vi sinh vật.

- Nước thải phục vụ sơ chế, chế biến nông sản phát sinh theo mùa vụ thu hoạch nông sản trong năm, trong đó: Tháng 01 phát sinh lớn nhất với lượng khoảng 1.086,67 m³/tháng (tương đương 43,47 m³/ngày); tháng 7 phát sinh ít nhất với lượng khoảng 118,13 m³/tháng (tương đương 4,73 m³/ngày); các tháng còn lại trung bình khoảng 481,97 m³/tháng (tương đương 19,28 m³/ngày). Tính chất nước thải sản xuất chủ yếu chứa đất, đá, lá cây, rễ cây và nông sản thối hỏng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động thi công, lắp đặt các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công phát sinh bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, HC.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào Dự án phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, HC.

- Bụi phát sinh từ quá trình bóc dỡ hàng hóa: Phát sinh không đáng kể.

- Mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải, thùng chứa rác thải: Thành phần khí thải phát sinh gồm: CH₄, H₂S, NH₃, mercaptan,...

- Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng và hoạt động nấu ăn: Phát sinh không đáng kể.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải do phát quang thảm thực vật gồm cây bụi, cỏ khoảng: 1,424 tấn.

- Chất thải từ hoạt động bóc tầng hữu cơ bề mặt khoảng: 1.908,75 m³, bùn thải từ quá trình vét ao thủy sản, mương thủy lợi: 2.466,1 m³.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động xây dựng: Lượng phát sinh khoảng 0,37 - 7,57 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu: bê tông, gạch vỡ, sắt, thép vụn....

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị gồm bao bì carton, nilon, thùng xốp... khối lượng khoảng 200 kg.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân: Thành phần chủ yếu là bao bì đựng thực phẩm, bao bì, vỏ chai,... Khối lượng phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng là 15 kg/ngày, giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị là 3 kg/ngày.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Tổng khối lượng phát sinh khoảng 342.016 kg/năm, gồm: lá cây, rễ cây, vỏ hành, của quả không đạt yêu

cầu 311.000 kg/năm; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, bể phốt, bể lắng hệ thống thoát nước mưa, nước thải 30.000 kg/năm; bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải 300 kg/năm; giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ 600 kg/năm; giẻ lau, vải bảo vệ không dính nhiễm thành phần nguy hại 36 kg/năm; than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý mùi 80 kg/năm.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu nhà ăn, khu văn phòng của cán bộ công nhân viên khoảng 8,35 tấn/năm. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy, túi nilon, đồ hộp, thực phẩm thừa,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị với khối lượng khoảng 37,63 kg/tháng. Thành phần chủ yếu bao gồm giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhiên liệu,...

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất khoảng 175 kg/năm. Thành phần chủ yếu: bóng đèn huỳnh quang thải; pin, ắc quy chì thải; giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại; bao bì kim loại cứng, bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH).

3.3. Tiếng ồn và độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị tham gia thi công xây dựng, lắp đặt và các phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; phương tiện giao thông ra, vào dự án và hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất, hệ thống xử lý nước thải chung.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ; hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân xung quanh khu vực Dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, ngập úng,...

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực Dự án.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động sản xuất của Dự án có thể xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ, sự cố các công trình xử lý chất thải,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Thu gom bằng 04 nhà vệ sinh lưu động, loại dung tích 1.200 lít/nhà. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bồn chứa chất thải mang đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Bố trí rãnh thu nước tạm xung quanh công trường thi công. Cuối hệ thống thu gom bố trí 01 hố ga lắng chặn trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Đối với nước thải rửa xe: Thu gom bằng bể lắng 3 ngăn kích thước 3 m × 2 m × 1 m đặt ngầm dưới cầu rửa xe, nước thải sau lắng tại ngăn thứ 3 sẽ tự chảy ra mương thoát nước phía Nam dự án, định kỳ vớt bỏ dầu mỡ nổi trên bề mặt bể và thu dọn đất cát lắng đáy bể.

- Đối với nước thải thi công xây dựng: Thu gom về hố ga kích thước 1m × 1m để lắng đọng đất, cát,... trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn triển khai xây dựng của Dự án được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, không xả nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu ra môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Hệ thống thu gom nước thải: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được thu gom bằng 03 bể tự hoại (03 bể dung tích 18 m³ đặt ngầm dưới các nhà vệ sinh công); nước thải khu vực nhà ăn được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ kích thước 1 m × 1 m × 1 m; nước thải sản xuất được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể lắng 3 ngăn kích thước 3 m × 2 m × 1 m sau đó theo đường ống PVC D200 chiều dài 310 m về hệ thống xử lý nước thải chung công suất 50 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý thoát ra mương phía Nam dự án bằng đường ống PVC D200 chiều dài 20 m qua 01 điểm xả.

- Hệ thống xử lý nước thải chung: Toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải chung công suất 50 m³/ngày.đêm, quy trình công nghệ như sau:

Nước thải sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mương tiêu thoát nước của khu vực phía Nam dự án do UBND xã Hồng Phong quản lý.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom, xử lý bảo đảm đạt yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B và hệ số K =1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, QCVN 40:2011/BTNMT (cột B và hệ số K_q = 0,9, K_f = 1,2)

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập kế hoạch tổ chức thi công như các biện pháp thi công, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

- Chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường.

- Lắp dựng hàng rào bằng tôn cao 2-3 m xung quanh khu đất thực hiện dự án; lắp đặt cầu rửa xe để rửa sạch bánh xe, gầm xe để hạn chế bụi phát sinh ra môi trường.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: Khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc để bảo đảm an toàn và sức khỏe cho người lao động.

b) Giai đoạn vận hành

- Giảm thiểu bụi và khí thải do các phương tiện giao thông: Định kỳ quét dọn và phun ẩm quãng đường xe di chuyển trong khu vực Công ty nhằm làm giảm lượng bụi phát sinh với tần suất ít nhất 01 lần/ngày; bê tông hoá các tuyến đường chính; trồng cây xung quanh khu vực dự án.

- Biện pháp thông thoáng nhà xưởng: Lắp đặt 05 quạt thông gió (công suất 1,1 kW, lưu lượng gió 44.500 m³/h); 10 quạt công nghiệp đứng (công suất 160 W, lưu lượng gió 7.800 m³/h).

- Giảm thiểu khí thải từ quá trình sấy hành, tỏi:

+ Quy trình xử lý: Khí thải lò sấy → Ống dẫn khí → Quạt hút → Thiết bị hấp phụ → Ống thải → Môi trường.

+ Quy chuẩn so sánh: Bụi, khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ.

+ Thông số kỹ thuật: Ống dẫn khí (01 cái, kích thước D100, dài 3m); quạt hút (01 cái, công suất 5,5 kW, lưu lượng 3.700 m³/h); thiết bị hấp phụ than hoạt tính (01 cái, kích thước 0,4m × 0,4m × 0,4m, gồm 02 khay lọc than hoạt tính, kích thước 0,38m × 0,38m × 0,1m); ống thải (01 cái, đường kính D200, dài 2m).

- Khí thải từ máy phát điện: Đặt trong khu vực có diện tích phù hợp với công suất của máy phát, có cửa thông gió và quạt thông gió.

- Khí thải từ khu vực nhà bếp: Lắp đặt hệ thống chụp hút và ống khói để

hút toàn bộ mùi và khí phát sinh ra bên ngoài. Quạt hút: $Q = 2.000 \text{ m}^3/\text{h}$; ống phóng không cao 3,2 m so với mặt đất, đường kính 0,2 m.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn do phát quang thảm thực vật: Khuyến khích các hộ dân thu hoạch lúa, hoa màu trước khi được cơ quan có thẩm quyền giao đất để tránh lãng phí cũng như giảm thiểu khối lượng sinh khối cần loại bỏ.

- Đất hữu cơ được tập kết tại công trường và tận dụng để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án. Bùn hữu cơ được tập kết tại công trường để phơi khô sau đó tận dụng một phần trồng cây, phần còn lại thuê đơn vị có chức năng đến thu gom đổ thải tại bãi tập kết rác thải của địa phương.

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí 03 thùng rác dung tích 60 lít/thùng, có nắp đậy để thu gom, lưu giữ chất thải sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị có chức năng hàng ngày đến thu gom, vận chuyển đến bãi tập kết rác thải của địa phương.

- Chất thải rắn xây dựng: Thực hiện phân loại tại nguồn. Đối với chất thải rắn là vỏ bao, sắt, thép thừa,... có thể tái sử dụng hoặc bán lại cho các đơn vị tái chế; chất thải còn lại được tập kết tại công trường, phủ bạt che chắn, hợp đồng với đơn vị có chức năng để mang đi xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải sinh hoạt: Thực hiện phân loại tại nguồn. Bố trí các thùng chứa dung tích từ 20-120 lít đặt tại khu văn phòng, nhà ăn và khu vực nhà bếp để lưu chứa tạm thời. Ký hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển mang đi xử lý trong ngày.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Bố trí công nhân thu gom chất thải rắn phát sinh trong quá trình sơ chế, bảo quản nông sản (vỏ rau củ quả, rau củ quả bị thối, hỏng) vào cuối mỗi ngày làm việc. Hợp đồng với tổ thu gom rác thải của địa phương tới thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật. Tần suất 01 lần/ngày, khi vào chính vụ có thể tăng lên 02 lần/ngày.

+ Bố trí khu vực chất thải rắn sản xuất diện tích 70 m² tại kho chứa chất thải chung.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, hố ga, bể phốt, bể tách mỡ: Thuê đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, nạo vét, tần suất 6 tháng/lần.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đáp ứng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải được thu gom bằng 05 thùng chứa HDPE dung tích 120 lít có nắp đậy đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Các thùng thu gom được dán tên, mã chất thải nguy hại và đặt tại khu vực kho chứa tạm thời diện tích khoảng 5 m² tại khu vực cao ráo, có bố trí biển báo rõ ràng. Thuê đơn vị có chức năng vận chuyển mang đi xử lý đúng quy định khi kết thúc quá trình thi công xây dựng.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải được phân loại tại nguồn, để riêng vào các thùng có dung tích từ 60 - 120 lít đặt tại khu vực có diện tích khoảng 20 m² (nằm trong kho chứa rác chung). Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đáp ứng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Tuân thủ các quy định về tổ chức thi công; bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế thi công vào ban đêm.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị và phương tiện thi công.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.

- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại.

- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực cơ sở để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, ngăn bụi phát tán ra bên ngoài cơ sở.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị.

- Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Trang bị các trang thiết bị PCCC (trụ cứu hỏa, bể PCCC), bố trí các đèn chiếu sáng, tiêu lệnh PCCC, bình bột chữa cháy tại các khu vực thuận tiện, dễ nhìn. Tiến hành huấn luyện về PCCC cho cán bộ, công nhân.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu gom và xử lý nước thải để phòng ngừa phát sinh sự cố của hệ thống. Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để kịp thời thay thế. Trang bị kiến thức cho cán bộ vận hành nắm rõ quy trình vận hành hệ thống, nhận biết các dấu hiệu dẫn đến sự cố và các biện pháp xử lý khi có sự cố xảy ra. Khi hệ thống xảy ra sự cố kéo dài phải thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải mang đi xử lý.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 03 vị trí (01 điểm tại khu vực công ra vào; 01 điểm tại khu vực thi công xây dựng, 01 điểm tại khu vực cuối hướng gió chính).

- Các thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, tổng bụi lơ lửng, SO₂, CO, NO₂.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

5.1.2. Giám sát nước thải thi công

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả ra nguồn tiếp nhận.

- Các thông số giám sát: pH, TSS, dầu mỡ khoáng, COD, BOD₅, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp mức B, giá trị C_{max}.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giám sát khối lượng phát sinh; phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh để quản lý theo quy định

- Tần suất: Giám sát thường xuyên.

5.2. Giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát nước thải theo quy định tại khoản 1, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Tổ chức hoạt động giám sát chất rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường theo nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với hoạt động của Dự án./.